

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2025/KDTM-PT

Ngày 28-8-2025

*“V/v tranh chấp hợp đồng
mua bán hàng hóa”.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Ứng.

Các Thẩm phán: Ông Võ Văn Vinh và ông Nguyễn Hồng Chương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thủy, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:
Ông Dương Phúc Trường - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 04/2025/TLPT-KDTM, ngày 26-6-2025 về việc: *“Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”.*

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 01/2024/KDTM-ST, ngày 30-9-2024 của Tòa án nhân dân huyện Đắk GLong, tỉnh Đắk Nông (nay là Tòa án nhân dân khu vực 6 – Lâm Đồng) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 261/2025/QĐ-PT, ngày 11 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty TNHH MTV Thương mại HTĐN;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Xuân Th, sinh năm 1992; địa chỉ: Tổ dân phố A, phường BGN, tỉnh Lâm Đồng; có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phạm Thị M, sinh năm 2004; địa chỉ: Thôn P, xã Q, tỉnh Lâm Đồng; vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Phạm Thị T - Công ty Luật TNHH HGA; địa chỉ: Tổ dân phố B, phường NGN, tỉnh Lâm Đồng; có mặt.

2. Bị đơn: Ông Phạm Huy H, sinh năm 1977 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1983; địa chỉ: Thôn C, xã Q, tỉnh Lâm Đồng; có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Trương Văn N, sinh năm 1990; địa chỉ: Bon D, xã Q, tỉnh Lâm Đồng; vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Nguyễn Thị P – Công ty Luật TAS; địa chỉ: Phường T, quận N, thành phố Hà Nội; có mặt.

3. Người làm chứng:

3.1. Ông Lê Văn H; địa chỉ: Bon K, xã Q, tỉnh Lâm Đồng; vắng mặt.

3.2. Ông Nguyễn Đình H; địa chỉ: Thôn E, xã Q, tỉnh Lâm Đồng; có mặt.

3.3. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1990; địa chỉ: Tổ dân phố F, phường ĐGN, tỉnh Lâm Đồng; có mặt.

4. Người kháng cáo: Ông Phạm Huy H và bà Nguyễn Thị L; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện đề ngày 21-4-2023 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Công ty TNHH MTV Thương mại HTĐN (sau đây gọi tắt là Công ty HT) có ngành nghề kinh doanh phân bón, nông sản. Từ khoảng năm 2020, ông Phạm Huy H và bà Nguyễn Thị L (chủ Đại lý HL) nhiều lần mua phân bón của Công ty HT. Khi mua phân, bị đơn sẽ gọi điện đặt hàng, sau đó tài xế của Công ty hoặc Công ty thuê tài xế chở hàng đi giao cho bị đơn. Việc mua bán như trên, hai bên thống nhất sau 01 tháng kể từ ngày nhận hàng, bên mua phải thanh toán đầy đủ tiền cho bên bán; sau 01 tháng mà chưa thanh toán thì phần nợ lại sẽ được tính lãi 1%/tháng; quá thời hạn 01 năm được xem là nợ quá hạn và tính lãi suất 1,2%/tháng. Quá trình giao dịch từ trước đến nay, Công ty chỉ biết giao dịch với ông H và bà L là chủ Đại lý HL, Công ty không biết Đại lý HL có đăng ký kinh doanh hay không.

Vào ngày 28-12-2021, Công ty thuê tài xế Lê Tấn T điều khiển xe giao cho Đại lý HL 15 tấn phân bón loại Con Ó 20.2.5. Bà Nguyễn Thị L có ký xác nhận vào sổ tay của tài xế Lê Tấn T và ông Phạm Huy H cũng ký xác nhận trong Sổ theo dõi công nợ khách hàng. Đối với lô phân này, Đại lý HL chỉ thanh toán 4.800.000 đồng tiền cước xe, chưa thanh toán tiền phân cho Công ty. Tiếp đến ngày 18-2-2022, tài xế Trần Văn T của Công ty đã giao cho Đại lý HL 08 tấn phân bón loại Con Ó 20.2.5. Ông Phạm Huy H có ký xác nhận số lượng phân. Đối với lô phân này, Đại lý HL chưa thanh toán tiền cho Công ty.

Công ty khởi kiện buộc ông Phạm Huy H và bà Nguyễn Thị L (chủ Đại lý HL) phải thanh toán cho Công ty số tiền của lô phân 15 tấn ngày 28-12-2021 là 190.200.000 đồng và số tiền của lô phân 08 tấn ngày 18-02-2022 là 102.555.000 đồng; buộc bị đơn phải trả tiền lãi chậm trả của số tiền còn nợ với mức lãi suất 10%/năm tính từ ngày chậm trả cho đến ngày xét xử sơ thẩm đối với (ngày chậm trả là sau 01 tháng kể từ ngày giao phân).

2. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Bị đơn cho rằng đã thanh toán lô phân 15 tấn ngày 28-12-2021 nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

3. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn ông Phạm Huy H và bà Nguyễn Thị L trình bày: Ông bà thừa nhận có mua phân bón của Công ty HT và ông bà mua bán với Công ty là với tư cách cá nhân, mục đích mua phân để bán lại cho các hộ dân. Ông bà thừa nhận có mua và đã nhận 02 lô phân do Công ty giao gồm lô 15 tấn ngày 28-12-2021 và lô 08 tấn ngày 18-02-2022.

Đối với lô phân 15 tấn ông bà nhận ngày 28-12-2021 thì ông bà đã thanh toán xong tiền phân cho ông Th (Giám đốc Công ty), việc thanh toán có ông Lê Văn H và ông Nguyễn Đình H1 chứng kiến và biết; tuy nhiên khi thanh toán ông bà chưa đề nghị ông Th ký xác nhận. Đối với lô phân 08 tấn ông bà nhận ngày 18-02-2022 thì ông bà thừa nhận chưa thanh toán tiền cho Công ty.

Đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty HT, ông bà chỉ đồng ý thanh toán tiền của lô phân 08 tấn ông bà nhận ngày 18-02-2022 và không đồng ý tính lãi chậm trả do quá trình mua phân, các bên không thỏa thuận lãi.

4. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày: Bị đơn đã thanh toán tiền của lô phân 15 tấn giao ngày 28-12-2021, ông Th đến nhà riêng của bị đơn lấy tiền, có ông Lê Văn H ông Nguyễn Đình H1 chứng kiến. Theo thông lệ kinh doanh, các đại lý được quyền nợ sau một tháng thì phải thanh toán. Do ông Th đã thu tiền của lô phân 15 tấn giao ngày 28-12-2021 nên đến ngày 18-02-2022 Công ty mới tiếp tục giao lô phân mới cho bị đơn. Đối với chứng cứ nguyên đơn dùng để khởi kiện là cuốn sổ ghi chép do nguyên đơn tự lập, các nội dung được ghi mâu thuẫn, không logic, có chỗ bị tẩy xóa, không được các bên đối chiếu, thừa nhận nên không đáp ứng điều kiện là chứng cứ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không đồng ý thanh toán tiền lãi của lô phân 08 tấn giao ngày 18-02-2022 vì bị đơn rất nhiều lần đề nghị nguyên đơn thanh toán khoản tiền này nhưng nguyên đơn không đồng ý dẫn tới việc kéo dài thời gian thanh toán. Nguyên đơn cho rằng hai bên có thỏa thuận bằng lời nói về lãi suất, tuy nhiên nguyên đơn không đưa ra được chứng cứ thể hiện việc có tính lãi. Đề nghị Hội đồng xét xử sửa một phần bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải thanh toán số tiền 190.200.000 đồng của 15 tấn phân giao ngày 28-12-2021 và tiền lãi chậm trả phát sinh từ khoản tiền này; không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền lãi chậm trả của 08 tấn phân giao ngày 18-02-2022.

5. Những người làm chứng:

5.1. Ông Lê Văn H và Nguyễn Đình H1 trình bày: Các ông có nghe và biết việc ông H nói bà L lấy tiền để thanh toán tiền phân nhưng không trực tiếp chứng kiến nên không biết rõ nội dung cụ thể.

5.2. Bà Nguyễn Thị T trình bày: Tôi là kế toán của Công ty TNHH MTV Thương mại HTĐN từ năm 2020 đến nay. Việc mua bán giữa Công ty HT và Đại HL được hai bên xác lập với nhau tại cuốn “Sổ theo dõi công nợ khách hàng” (màu xanh) đã được ông Phan Xuân Th – Giám đốc Công ty HT giao nộp bản gốc cho Tòa án. Tôi xác nhận trong cuốn “Sổ theo dõi công nợ khách hàng” hầu

hết là chữ viết của tôi, ngoài ra còn có chữ viết của ông Trần Văn T – là người Công ty HT thuê để chở phân cho Đại lý HL và có các chữ ký (*không ghi họ tên*) của bà Nguyễn Thị L và ông Phạm Huy H. Những chữ “CN 2T”, “CN”, “2T”, “Hết T1” và hai chữ “CN T3” là do tôi ghi, ý nghĩa của “CN” tức là “*công nợ*”, “2T” tức là “*2 tháng*”, “Hết T1” tức là “*hết tháng 1, bắt đầu tính lãi*” và “CN T3” tức là “*công nợ tháng 3, bắt đầu tính lãi*”. Tôi xác nhận 02 lô phân bón mà Công ty HT khởi kiện thì đến nay bị đơn chưa thanh toán tiền. Việc bị đơn cho rằng đã trả tiền của lô phân 15 tấn giao ngày 28/12/2021 và tôi là người ghi chữ “Hết T1” nghĩa là đã hết nợ thì tôi không đồng ý, tôi khẳng định “Hết T1” có nghĩa là “*hết tháng 01 của năm 2022, bên mua phải thanh toán và từ ngày 01/02/2022 mà không trả tiền gốc thì Công ty bắt đầu tính tiền lãi*”.

6. Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 01/2024/KDTM-ST, ngày 30-9-2024 của Tòa án nhân dân huyện Đắk GLong đã quyết định: Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng các điều 4, 50, 55, 306 của Luật Thương mại; Điều 357, 468 của Bộ luật dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH MTV Thương mại HTĐN.

Buộc ông Phạm Huy H và bà Nguyễn Thị L phải thanh toán cho Công ty TNHH MTV thương mại HTĐN tổng số tiền 368.469.230 đồng (*Ba trăm sáu mươi tám triệu bốn trăm sáu chín nghìn hai trăm ba mươi đồng*, tiền gốc 292.755.000 đồng (*Hai trăm chín mươi hai triệu bảy trăm năm mươi lăm nghìn đồng*), tiền lãi 75.714.230 đồng (*Bảy mươi lăm triệu bảy trăm mười bốn nghìn hai trăm ba mươi đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo.

7. Ngày 10-10-2024, bị đơn ông Phạm Huy H và bà Nguyễn Thị L kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận số tiền 190.200.000 đồng; số tiền lãi chậm trả của 15 tấn phân giao ngày 18-12-2021 và số tiền lãi chậm trả của 08 tấn phân giao ngày 18-02-2022.

8. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng phát biểu ý kiến: Tòa án cấp sơ thẩm ban hành quyết định đưa vụ án dân sự ra xét xử sơ thẩm nhưng ban hành bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm mà không có quyết định chuyển vụ án từ dân sự sang kinh doanh thương mại; đồng thời áp dụng thời hạn giải quyết vụ án dân sự để giải quyết vụ án kinh doanh thương mại là không đúng

quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại cấp phúc thẩm, bị đơn giao nộp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của “*Công ty TNHH MTV phân bón nông sản và bất động sản HL*”. Nếu xác định vụ án kinh doanh thương mại thì bị đơn phải là Công ty TNHH MTV phân bón nông sản và bất động sản HL, không phải là cá nhân ông H và bà L. Tòa án cấp sơ thẩm chưa tiến hành lấy lời khai của Kế toán Công ty HT và đưa họ vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bỏ sót đương sự. Cấp sơ thẩm chỉ căn cứ vào cuốn sổ nguyên đơn cung cấp, chưa được giải thích rõ ràng và căn cứ vào lời giải thích theo ý chí của nguyên đơn để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chưa đủ cơ sở vững chắc mà phải giải thích theo hướng có lợi cho bị đơn theo quy định tại khoản 6 Điều 404 Bộ luật dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 308 và Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự, hủy bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục chung.

9. Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. *Về tố tụng*: Đơn kháng cáo của ông Phạm Huy H và bà Nguyễn Thị L làm trong hạn luật định, đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm; tuy nhiên Tòa án cấp sơ thẩm xác định số tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm là 300.000 đồng là không chính xác; theo Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (*Ban hành kèm theo Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án*), số tiền này là 2.000.000 đồng. Nội dung này nêu để cấp sơ thẩm rút kinh nghiệm.

[2]. *Về nội dung vụ án và xét yêu cầu kháng cáo*:

[2.1]. Căn cứ lời khai của các đương sự và các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, có căn cứ xác định: Bị đơn ông Phạm Huy H và bà Nguyễn Thị L có mua và đã nhận 02 lô phân do nguyên đơn Công ty Công ty TNHH MTV thương mại HTĐN giao gồm lô 15 tấn ngày 28-12-2021 và lô 08 tấn ngày 18-02-2022. Riêng lô phân 08 tấn ngày 18-02-2022 có giá trị 102.555.000 đồng, bị đơn thừa nhận chưa thanh toán nên bị đơn đồng ý thanh toán cho nguyên đơn số tiền còn nợ là 102.555.000 đồng.

[2.2]. Đối với số tiền 190.200.000 đồng của lô phân 15 tấn giao ngày 28-12-2021: Bị đơn thừa nhận có ký nhận số phân này. Căn cứ vào sổ theo dõi do nguyên đơn cung cấp tại mục ghi chú có ghi chữ “*Hết T1*”, nội dung này được bà Nguyễn Thị T – Kế toán Công ty HT giải thích là “*Hết tháng 01 năm 2022 sẽ tính lãi*”. Tuy vậy, trước ngày này, bị đơn có giao dịch với Công ty 5-6 lần nhưng cũng tại mục ghi chú trong cuốn sổ này, bà T không có lần nào ghi chữ “*Hết*” mà chỉ ghi chữ “*CN 2T*” hoặc “*CN T3*” và bà T giải thích nghĩa là “*công nợ tháng 3*”

bắt đầu tính lãi”. Hội đồng xét xử xét thấy giải thích của Kế toán về chữ “*Hết T1*” là không phù hợp với quy luật ghi chép trong cuốn sổ theo dõi và quy luật mà nguyên đơn đưa ra, vì theo nguyên đơn cho rằng 02 bên mua bán không lập thành hợp đồng, kể từ ngày giao hàng trong thời hạn 01 tháng bên mua phải trả tiền cho Công ty (nếu quá 01 tháng thì tính lãi 1%, quá hạn là 1,2%). Theo quy luật này thì ngày 28-12-2021 tương ứng là tháng 11 âm lịch, đến tháng 12 âm lịch (*tức tháng Chạp*) nguyên đơn có vào nhà bị đơn để lấy tiền, có người chứng kiến việc bị đơn trả tiền. Tại phiên tòa, người làm chứng anh H1 cũng khai có chứng kiến bà L là người trả tiền cho Công ty nhưng không biết ai là người nhận tiền và trả bao nhiêu. Nội dung này phù hợp với quy luật mà nguyên đơn đưa ra nghĩa là sau 01 tháng phải trả nợ nên trong sổ đã ghi chữ “*Hết T1*” phải được hiểu là đã trả hết nợ của tháng 01 mới phù hợp.

[2.3]. Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không xác định được lý do đến tháng 6 năm 2023 mới khởi kiện và thời gian nào hai bên phát sinh tranh chấp (*lúc thì 02 tháng, 09 tháng, lúc thì năm 2023*). Bị đơn cho rằng lúc đầu nguyên đơn chỉ đòi số nợ của lô phân 08 tấn, sau này do có nhầm lẫn nên nguyên đơn đòi cả tiền của lô phân 15 tấn dẫn đến kéo dài thời gian trả nợ từ năm 2022 đến tháng 6/2023 nguyên đơn mới khởi kiện. Hội đồng xét xử xét thấy lời khai của bị đơn tại phiên tòa được nguyên đơn thừa nhận những năm trước và những lần giao dịch trước bị đơn đều thanh toán tiền đúng hạn (không vi phạm thời hạn thanh toán). Mặt khác, theo quy luật nguyên đơn đưa ra, bị đơn phải thanh toán tiền của lô phân ngày 28-12-2021 thì đến ngày 18-02-2022, nguyên đơn mới tiếp tục giao cho bị đơn lô phân 08 tấn. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ của lô phân 15 tấn giao ngày 28-12-2021 nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải trả số tiền của lô phân 15 tấn ngày 28-12-2021 là 190.200.000 đồng. Việc Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị đơn phải chứng minh bị đơn đã trả tiền là đánh giá chứng cứ chưa toàn diện, khách quan.

[2.4]. Xét kháng cáo của bị đơn về tiền lãi: Theo cuốn sổ theo dõi làm căn cứ khởi kiện của nguyên đơn thì các bên không thể hiện thời hạn thanh toán và không thể hiện có thỏa thuận tính lãi. Tại phiên tòa các bên có tranh chấp về lãi suất nên áp dụng quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, buộc bị đơn phải thanh toán tiền lãi cho nguyên đơn với mức lãi suất là 10%/năm (0,83%/tháng). Về thời điểm bắt đầu tính lãi suất chậm trả là kể từ ngày có thông báo mà bên kia không thực hiện. Tòa án cấp sơ thẩm tính từ ngày giao nhận hàng đến ngày xét xử sơ thẩm là chưa chính xác. Nguyên đơn cho rằng năm 2023, trước khi khởi kiện có thông báo bằng văn bản cho bị đơn, tuy nhiên bị đơn không thừa nhận. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào ngày có thông báo thụ lý vụ án của Tòa án cấp sơ thẩm gửi cho bị đơn (ngày 07-6-2023) và căn cứ Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao “*Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm*” để xác định thời điểm bắt đầu tính lãi chậm trả là kể từ ngày 07-7-2023 (sau thời hạn 01 tháng kể từ ngày có thông báo thụ lý vụ án). Như vậy

thời hạn chậm trả tính từ ngày 07-7-2023 đến ngày xét xử sơ thẩm (30-9-2024) là 15 tháng (đã làm tròn).

Số tiền lãi bị đơn phải trả cho nguyên đơn do chậm trả tiền là:

$102.555.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 15 \text{ tháng} = 12.769.000 \text{ đồng}$ (đã làm tròn).

Từ những phân tích và nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn, sửa bản sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền 190.200.000 đồng của lô phân 15 tấn ngày 28-12-2021 và tiền lãi của lô phân này; chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn về phần tiền lãi của lô phân 08 tấn ngày 18-02-2022.

[2.5]. Về việc cấp sơ thẩm không đưa bà Nguyễn Thị T vào tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử xét thấy: Bà T là Kế toán của Công ty HT, làm việc theo hợp đồng. Bà T có trách nhiệm ghi chép, theo dõi sổ sách, hoàn thành nhiệm vụ của nhân viên Kế toán đối với Công ty. Về các khoản nợ của khách hàng không thuộc nhiệm vụ của Kế toán. Trường hợp Kế toán thực hiện nhiệm vụ có sai sót thì phải chịu trách nhiệm với Công ty. Bà T không có quyền quyết định việc trả nợ của khách hàng. Do đó, trong vụ án này Hội đồng xét xử xác định bà T là người làm chứng, không phải là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Tòa án cấp sơ thẩm không lấy lời khai của bà T để làm rõ nội dung vụ án nhưng đã được khắc phục tại cấp phúc thẩm.

Về các vấn đề vi phạm tố tụng khác theo quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, không xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự và không làm thay đổi bản chất của vụ án nên Hội đồng xét xử phúc thẩm nêu ra để cấp sơ thẩm rút kinh nghiệm.

Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, đề nghị hủy bản án sơ thẩm là không phù hợp nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[3]. Về án phí kinh doanh thương mại:

[3.1]. Án phí sơ thẩm:

Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm đối với số tiền phải trả cho nguyên đơn, cụ thể:

$(102.555.000 \text{ đồng} + 12.769.000 \text{ đồng}) \times 5\% = 5.766.000 \text{ đồng}$.

Nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện không được Tòa án chấp nhận, cụ thể:

$[368.469.230\text{đ} - (102.555.000\text{đ} + 12.769.000\text{đ})] \times 5\% = 12.657.000 \text{ đồng}$.

[3]. **Án phí phúc thẩm:** Do kháng cáo được chấp nhận một phần nên người kháng cáo không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm, hoàn trả người kháng cáo số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự:

Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Phạm Huy H và bà Nguyễn Thị L, sửa Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 01/2024/KDTM-ST, ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Đắk GLong, tỉnh Đắk Nông (nay là Tòa án nhân dân khu 6- Lâm Đồng).

2. Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, các điều 92, 147, 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng các điều 4, 50, 55, 306 của Luật Thương mại; các điều 357, 468 của Bộ luật dân sự; khoản 4 Điều 26 và khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

2.1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH MTV thương mại HTĐN.

Buộc ông Phạm Huy H và bà Nguyễn Thị L phải thanh toán cho Công ty TNHH MTV thương mại HTĐN **tổng số tiền 115.324.000đ** (*Một trăm mười lăm triệu ba trăm hai mươi bốn nghìn đồng*), trong đó:

Tiền gốc: 102.555.000đ (*Một trăm lẻ hai triệu năm trăm năm mươi lăm nghìn đồng*);

Tiền lãi: 12.769.000 đồng (*Mười hai triệu bảy trăm sáu mươi chín nghìn đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự.

2.2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH MTV thương mại HTĐN về việc buộc ông Phạm Huy H và bà Nguyễn Thị L phải thanh toán cho Công ty TNHH MTV thương mại HTĐN số tiền 190.200.000đ (*Một trăm chín mươi triệu hai trăm nghìn đồng*) và tiền lãi chậm trả của số tiền này.

3. Về án phí kinh doanh thương mại:

3.1. Án phí sơ thẩm:

Ông Phạm Huy H và bà Nguyễn Thị L phải chịu 5.766.000 đồng.

Công ty TNHH MTV thương mại HTĐN phải chịu 12.657.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền 8.251.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004490 ngày 07-6-2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực G, tỉnh Lâm Đồng). Công ty TNHH MTV thương mại HTĐN còn phải nộp 4.406.000 đồng án phí sơ thẩm.

3.2. Án phí phúc thẩm: Ông Phạm Huy H và bà Nguyễn Thị L không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, hoàn trả cho ông H và bà L số tiền 600.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo các Biên lai số 0008670 và 0008671 ngày 19-11-2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực G, tỉnh Lâm Đồng).

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tối cao tại Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- TAND khu vực 6-Lâm Đồng;
- Phòng THADS khu vực G, tỉnh Lâm Đồng;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, THCTP, Tòa DS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

(đã ký, đóng dấu)

Nguyễn Anh Ủng